

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/DS-ST.
Ngày: 15/6/2021.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Bùi Chí Tâm.

2/. Ông Ngô Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST- DS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp LT, xã TL, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1984, địa chỉ: số ..., ấp ..., thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LH, xã TL, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Minh H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp LH, xã TL, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh H: bà Nguyễn Thị Chúc L, địa chỉ: ấp LH, xã TL, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/3/2021 và trong quá trình xét xử, người đại diện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

Bà Huỳnh Thị Hồng H có tham gia chơi 07 dây hụi do bà Nguyễn Thị Chúc L làm chủ, bao gồm:

Dây thứ nhất: hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2020 dương lịch, khui hụi vào ngày 10 hàng tháng, dây hụi có 31 phần, trong đó bà H tham gia chơi 03 phần, hụi khui đến lần thứ 13 thì bà L ngừng dây hụi, bà H đã đóng tiền hụi đến lần thứ 13 tổng cộng 03 phần với tổng số tiền là 115.740.000 đồng (đóng tiền hụi từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/02/2021) đến ngày 05/3/2021 bà L tuyên bố bế hụi ngừng chơi dây hụi này. Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền dây hụi này là: 03 phần x 13 lần x 5.000.000 đồng = 195.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của bà L là 7.500.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 187.500.000 đồng.

Dây thứ hai: hụi tháng 4.000.000 đồng, mở ngày 12/02/2020 dương lịch, khui hụi vào ngày 12 hàng tháng, dây hụi có 33 phần, trong đó bà H tham gia chơi 04 phần, hụi khui đến lần thứ 13 thì bà L ngừng dây hụi, bà H đã đóng tiền hụi đến lần thứ 13 tổng cộng 04 phần với tổng số tiền là 120.640.000 đồng (đóng tiền hụi từ ngày 17/02/2020 đến ngày 17/02/2021) đến ngày 05/3/2021 bà L tuyên bố bế hụi ngừng chơi dây hụi này. Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền dây hụi này là: 04 phần x 13 lần x 4.000.000 đồng = 208.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của bà L là 8.000.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 200.000.000 đồng.

Dây thứ ba: hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 05/5/2018 dương lịch, khui hụi vào ngày 05 hàng tháng, bà H tham gia chơi 04 phần, hụi khui đến lần thứ 34 thì bà L ngừng dây hụi, bà H đã đóng tiền hụi đến lần thứ 34 tổng cộng 04 phần với tổng số tiền là 168.120.000 đồng (đóng tiền hụi từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/02/2021) đến ngày 05/3/2021 bà L tuyên bố bế hụi ngừng chơi dây hụi này. Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền dây hụi này là: 04 phần x 34 lần x 2.000.000 đồng = 195.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của bà L là 4.000.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 268.000.000 đồng.

Dây thứ tư: hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/9/2019 dương lịch, khui hụi vào ngày 05 hàng tháng, dây hụi này có 38 phần, trong đó bà H tham gia chơi 01 phần, hụi khui đến lần thứ 18 thì bà L ngừng dây hụi, bà H đã đóng tiền hụi đến lần thứ 18 là 10.730.000 đồng (đóng tiền hụi từ ngày 10/9/2019 đến ngày 10/02/2021) đến ngày 05/3/2021 bà L tuyên bố bế hụi ngừng chơi dây hụi này. Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền dây hụi này là: 01 phần x 18 lần x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của bà L là 500.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 17.500.000 đồng.

Dây thứ năm: hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/9/2019 dương lịch, khui hụi vào ngày 05 hàng tháng, dây hụi này có 37 phần, trong đó bà H tham gia chơi 01

phần, hội khui đến lần thứ 18 thì bà L ngừng dây hội, bà H đã đóng tiền hội đến lần thứ 18 là 10.730.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 10/9/2019 đến ngày 10/02/2021) đến ngày 05/3/2021 bà L tuyên bố bế hội ngừng chơi dây hội này. Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền dây hội này là: 01 phần x 18 lần x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của bà L là 500.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 17.500.000 đồng.

Dây thứ sáu: hội tháng 4.000.000 đồng, mở ngày 30/10/2020 dương lịch, khui hội vào ngày 30 hàng tháng, dây hội có 29 phần, trong đó bà H tham gia chơi 02 phần, hội khui đến lần thứ 4 thì bà L ngừng dây hội, bà H đã đóng tiền hội đến lần thứ 4 tổng cộng 02 phần với tổng số tiền là 20.800.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 05/11/2020 đến ngày 05/02/2021) đến ngày 05/3/2021 bà L tuyên bố bế hội ngừng chơi dây hội này. Bà H yêu cầu bà L phải trả tiền dây hội này là: 02 phần x 4 lần x 4.000.000 đồng = 32.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của bà L là 4.000.000 đồng, còn lại số tiền phải trả là 28.000.000 đồng.

Dây thứ bảy: hội ngày 100.000 đồng, mở ngày 06/10/2020 âm lịch và mãn ngày 20/01/2021 âm lịch, mỗi ngày khui hội một lần, dây hội này có 100 phần, trong đó bà H tham gia chơi 30 phần, khi hội mãn bà L chỉ giao cho bà 64.000.000 đồng, còn nợ lại 230.000.000 đồng chưa trả.

Như vậy, tổng cộng 07 dây hội do bà L làm chủ nêu trên còn nợ bà H tiền vốn góp hội, tiền lãi hội và tiền lãi chậm giao hội với tổng số tiền là 948.500.000 đồng. Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà L và ông Võ Minh H có trách nhiệm liên đới hoàn trả toàn bộ số tiền nợ hội này.

Tại tờ tường trình lập ngày 25/3/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L trình bày:

Bà xác nhận nội dung bà H có tham gia chơi 07 dây hội do bà làm chủ hội theo nội dung đơn khởi kiện là đúng. Giữa bà và bà H đã chốt nợ hội và bà còn thiếu bà H với tổng số tiền là 948.500.000 đồng, bà có thỏa thuận bà H xin trả dần số nợ hội này, vì các hội viên khác không thanh toán tiền hội cho bà, nhưng phía bà H không đồng ý. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được trả nợ dài hạn, khi nào bà thu được tiền nợ hội của các hội viên khác sẽ thanh toán toàn bộ nợ cho bà H.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm lập ngày 16/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H trình bày:

Ông xác nhận việc giao dịch góp hội là của chung vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị Chúc L, nguồn thu từ giao dịch góp hội là phục vụ chung cho gia đình. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới cùng bà L thanh toán tiền nợ hội 948.500.000 đồng, ông thống nhất đồng ý.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục,

trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng H, buộc bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà H số tiền vốn góp hội, tiền lãi hội và tiền lãi chậm giao tiền hội theo quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “*Về họ, hội, biểu, phường*”; đề nghị không chấp nhận phần tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán vượt quá mức lãi suất quy định nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Các đương sự trong vụ án là bà Huỳnh Thị Hồng H và bà Nguyễn Thị Chúc L đều thống nhất thừa nhận: các bên có xác lập giao dịch góp hội với nhau, cụ thể bà H cho tham gia chơi 07 dây hội có lãi do bà L làm chủ, diễn biến quá trình thực hiện giao dịch góp hội như sau:

Dây thứ nhất: hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2020 dương lịch, bà H tham gia chơi 03 phần và đã đóng tiền hội đến lần thứ 13 tổng số tiền là 115.740.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/02/2021).

Dây thứ hai: hội tháng 4.000.000 đồng, mở ngày 12/02/2020 dương lịch, bà H tham gia chơi 04 phần và đã đóng tiền hội đến lần thứ 13 tổng số tiền là 120.640.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 17/02/2020 đến ngày 17/02/2021).

Dây thứ ba: hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 05/5/2018 dương lịch, bà H tham gia chơi 04 phần và đã đóng tiền hội đến lần thứ 34 tổng số tiền là 168.120.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/02/2021).

Dây thứ tư: hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/9/2019 dương lịch, bà H tham gia chơi 01 phần và đã đóng tiền hội đến lần thứ 18 là 10.730.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 10/9/2019 đến ngày 10/02/2021).

Dây thứ năm: hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 05/9/2019 dương lịch, bà H tham gia chơi 01 phần và đã đóng tiền hội đến lần thứ 18 là 10.730.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 10/9/2019 đến ngày 10/02/2021).

Dây thứ sáu: hội tháng 4.000.000 đồng, mở ngày 30/10/2020 dương lịch, bà H tham gia chơi 02 phần và đã đóng tiền hội đến lần thứ 4 tổng số tiền là 20.800.000 đồng (đóng tiền hội từ ngày 05/11/2020 đến ngày 05/02/2021).

Đến ngày 05/3/2021, bà L ngừng tổ chức góp hội của 06 dây hội nêu trên và kể từ đó đến nay bà L vẫn chưa thanh toán tiền góp hội và tiền lãi của 06 dây hội nêu trên cho bà H.

Dây thứ bảy: hui ngày 100.000 đồng, mở ngày 06/10/2020 âm lịch và mần ngày 20/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2021 dương lịch), bà H tham gia chơi 30 phần, khi hui mần bà L chỉ giao cho bà H số tiền 64.000.000 đồng, còn nợ lại 230.000.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Lời thừa nhận nêu trên của các đương sự là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Chúc L là chủ hui nhưng lại tự ý ngưng tổ chức việc góp hui khi chưa hết thời hạn thỏa thuận là vi phạm giao dịch. Kể từ thời điểm ngưng giao dịch là ngày 05/3/2021 đến nay bà L vẫn chưa thanh toán đầy đủ phần hui cho bà Huỳnh Thị Hồng H vi phạm nghĩa vụ của chủ hui. Nay bà H yêu cầu thanh toán toàn bộ tiền góp hui, tiền lãi hui và tiền lãi chậm giao phần hui là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “Về họ, hui, biểu, phường” (gọi tắt là Nghị định 19/2019/NĐ-CP). Tuy nhiên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi hui và lãi chậm thanh toán là vượt quá mức quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần phải điều chỉnh lại như sau:

- Tiền lãi hui của 06 dây hui (tính từ dây thứ nhất đến dây thứ 6), tại phiên tòa các bên đều thống nhất nội dung tính như sau: tiền vốn góp hui để tính lãi là 446.760.000 đồng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày bà H góp hui lần đầu tiên của từng dây hui đến ngày bà L ngừng góp hui là ngày 05/3/2021, về mức lãi suất căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ là 20%/năm, cụ thể số tiền lãi như sau:

Số dây hui	Ngày góp hui lần đầu	Ngày chủ hui chấm dứt hui	Số lần đã đóng	Số tiền đã đóng (ĐVT:VND)	Số tháng tính lãi hui	Mức lãi (ĐVT:%)	Lãi vốn (ĐVT:VND)
1	15/2/2020	5/3/2021	13	115,740,000	13.60	1.67	26,234,400
2	17/2/2020	5/3/2021	13	120,640,000	13.53	1.67	27,211,022
3	10/5/2018	5/3/2021	34	168,120,000	34.77	1.67	97,416,200
4	10/9/2019	5/3/2021	18	10,730,000	18.77	1.67	3,356,106
5	10/9/2019	5/3/2021	18	10,730,000	18.77	1.67	3,356,106
6	5/11/2020	5/3/2021	4	20,800,000	4.93	1.67	1,710,222
Tổng cộng:				446,760,000			159,284,056

- Tiền lãi chậm giao phần hui (bao gồm tiền vốn và lãi hui) của 06 dây hui (tính từ dây thứ nhất đến dây thứ 6), thời gian tính lãi từ ngày bà L ngừng góp hui là ngày

05/3/2021 đến ngày xét xử là ngày 15/6/2021, về mức lãi suất căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ là 10%/năm, cụ thể số tiền lãi như sau:

$606.404.056 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 16.768.200 \text{ đồng}.$

- Đối với dây hội thứ 7 là loại hội góp vốn mỗi ngày, mở ngày 06/10/2020 âm lịch và mãn ngày 20/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2021 dương lịch), tại phiên tòa các bên đều thống nhất không yêu cầu tính lãi hội vì trước đây hai bên đã thỏa thuận kết nợ là bà L còn thiếu bà H số tiền 230.000.000 đồng chưa giao (theo biên nhận nợ lập ngày 05/3/2021), nay phía bà L đồng ý thanh toán số tiền này, nhưng về tiền lãi chậm giao tiền đề nghị tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm, thời gian tính từ ngày 05/3/2021 đến ngày xét xử là ngày 15/6/2021, cụ thể số tiền lãi như sau:

$230.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 6.363.300 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng số tiền góp hội, tiền lãi hội và tiền lãi chậm giao phần hội bà L phải thanh toán cho bà H là: $676.760.000 \text{ đồng} + 159.284.000 \text{ đồng} + 23.131.500 \text{ đồng} = 859.175.500 \text{ đồng}.$

Như vậy số tiền lãi hội nguyên đơn khởi kiện vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định không được Hội đồng xét xử chấp nhận là: $948.500.000 \text{ đồng} - 859.175.500 \text{ đồng} = 89.324.500 \text{ đồng}.$

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Võ Minh H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Chúc L thanh toán nợ hội, phía ông H cũng thống nhất đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L và ông H cùng phải chịu án phí với số tiền là 37.775.200 đồng; bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận tuy nhiên bà H là con của Liệt sĩ nên được miễn nộp án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “Về họ, hội, biểu, phương”;

Căn cứ Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Chúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh H về tranh chấp hợp đồng góp hui:

Buộc bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị Hồng H tổng số tiền hui là 859.175.500 đồng (*tám trăm năm mươi chín triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*).

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng H đối với bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H về số tiền lãi hui vượt quá mức quy định của pháp luật là 89.324.500 đồng (*tám mươi chín triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*).

3/ Kể từ ngày người được thi hành án về tiền nêu trên, có đơn yêu cầu thi hành án, thì người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Chúc L và ông Võ Minh H cùng có nghĩa vụ nộp tiền án phí là 37.775.200 đồng (*ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm đồng*), bà L và ông H có nghĩa vụ nộp số tiền này. Bà Huỳnh Thị Hồng H được miễn nộp tiền án phí.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Nhuận

